TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 459/2022/KDTM-ST
Ngày: 23/6/2022
V/v "tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh Tấn
2. Ông Đỗ Xuân Nam

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Thị Bích Phượng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 124/2021/TLST-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH SX TMXD MT
Trụ sở: Số X, đường C, Phường L, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị H.T, sinh năm 1995
Địa chỉ: Số Y, đường H, Phường B, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty TNHH PCF
Trụ sở: Số Z, đường T, Phường L, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo pháp luật ông Lê Ngọc A.M, sinh năm 1974
Địa chỉ: Số V, đường K, Phường L, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H.T (viết tắt Bà T) đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/9/2019 Công ty TNHH SX TMXD MT (viết tắt là Công ty M.T) và Công ty TNHH PCF (viết tắt là Công ty PCF) có ký hợp đồng dịch vụ số 23/HĐDV-CTYMT 2019 về việc đưa Đoàn nghiên cứu ngành kinh tế tại Nhật Bản của Công ty TNHH PCF. Số khách là 10 người. Giá trị hợp đồng là 90.000.000 đồng/người x 10 người = 900.000.000 đồng. Từ ngày 18/9/2019 đến ngày 25/9/2019.

Ngày 05/10/2019 Công ty M.T và Công ty PCF có ký biên bản xác nhận về việc chi trả tiền. Nội dung là hai bên cùng thống nhất gia hạn thêm thời gian thanh toán tiền theo hợp đồng dịch vụ số 23/HĐDV-CTYMT 2019, cụ thể như sau:

Đợt 1: thanh toán số tiền 450.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 15/10/2019;

Đợt 2: thanh toán số tiền 450.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 25/10/2019.

Ngày 04/6/2020 Ủy ban nhân dân Phường L, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản hòa giải hai bên.

Việc Công ty PCF vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã ký kết với Công ty M.T, đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty M.T. Vì vậy, Công ty M.T yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty PCF phải trả cho Công ty M.T số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng theo Hợp đồng số 23/HĐDV-CTYMT 2019 và biên bản xác nhận về việc chi trả tiền ngày 05/10/2019 và tiền lãi phát sinh từ số công nợ trên tính từ ngày 25/10/2019 đến ngày khởi kiện, quy định vi phạm và xử lý vi phạm (Điều 5 Hợp đồng 23/HĐ DV-CTYMT) với số tiền tạm tính là 115.237.500 (Một trăm mười lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Công ty PCF phải thanh toán cho Công ty M.T là 1.015.237.500 (Một tỷ không trăm mười lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Ngày 09/5/2022 Bà T có bản tự khai thay đổi yêu cầu, cụ thể: Buộc Công ty PCF phải cho Công ty M.T số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Tại phiên tòa: Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Ngày 16/3/2021 ông Lê Ngọc A.M gửi đơn yêu cầu tạm hoãn triệu tập do ông M có việc cá nhân phải giải quyết từ ngày 25/3/2021 đến 30/4/2021. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại trụ sở Công ty và chỗ ở hiện tại của đại diện theo pháp luật Công ty nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty PCF là ông Lê Ngọc A.M vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Ngày 22/6/2022 bà Trần Thị H.T đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ Hợp đồng số 23/HĐDV-CTYMT 2019 và biên bản xác nhận về việc chi trả tiền ngày 05/10/2019 được ký giữa Công ty M.T và Công ty PCF, xác định Công ty PCF có nợ Công ty M.T. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

Căn cứ Điều 30, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 299, Khoản 7 Điều 323, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Hợp đồng số 23/HĐDV-CTYMT 2019 và biên bản xác nhận về việc chi trả tiền ngày 05/10/2019 được ký giữa Công ty M.T và Công ty PCF, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định Công ty PCF có ký hợp đồng dịch vụ và nợ Công ty M.T theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính Công ty PCF tại số Số Z, đường T, Phường L, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Do nơi bị đơn có trụ sở tại quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Lê Ngọc A.M là đại diện theo pháp luật Công ty PCF tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông M vắng mặt. Bà Trần Thị H.T đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Hợp đồng số 23/HĐDV-CTYMT 2019 và biên bản xác nhận về việc chi trả tiền ngày 05/10/2019 được ký giữa Công ty M.T và Công ty PCF.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa Công ty PCF và Công ty M.T có ký Hợp đồng số 23/HĐDV-CTYMT 2019, nội dung là dịch vụ trọn gói chương trình nghiên cứu ngành kinh tế tại Nhật Bản, từ ngày 18/9/2019 đến 25/9/2019, giá trị hợp đồng 90.000.000 đồng/người x 10 người = 900.000.000 đồng.

Ngày 05/10/2019 giữa Công ty PCF và Công ty M.T có ký biên bản xác nhận về việc chi trả tiền, hai bên cùng thống nhất gia hạn thêm thời gian thanh toán tiền theo hợp đồng dịch vụ số 23/HĐDV-CTYMT 2019 như sau:

Đợt 1: thanh toán số tiền 450.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 15/10/2019;

Đợt 2: thanh toán số tiền 450.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 25/10/2019.

Xét hợp đồng dịch vụ số 23/HĐDV-CTYMT 2019 ngày 16/9/2019 và biên bản xác nhận về việc chi trả tiền ngày 05/10/2019, đều do ông Lê Ngọc A.M là đại diện theo pháp luật Công ty PCF ký với Công ty M.T, có cơ sở xác định Công ty PCF có nợ Công ty M.T số tiền 900.000.000 đồng.

Do Công ty PCF vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty M.T, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về số tiền 900.000.000 đồng.

[2.2] Xét khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ 900.000.000 đồng tính từ ngày 25/10/2019 đến ngày khởi kiện, quy định vi phạm và xử lý vi phạm (Điều 5 Hợp đồng 23/HĐ DV- CTYMT) với số tiền tạm tính là 115.237.500 (Một trăm mười lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Tuy nhiên, ngày 09/5/2022 nguyên đơn nộp tự khai không yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 900.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty PCF không đến Tòa án cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH PCF phải thanh toán cho Công ty TNHH SX TMXD MT số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH PCF phải chịu 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng.

Công ty TNHH SX TMXD MT được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.881.000 (Hai triệu tám trăm tám mươi mốt ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0019677 ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận PN;
- CC THADS quận PN;
- Các đương sự;
-Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng